

*Nghiên cứu Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XI của Đảng:*

## VÀI SUY NGHĨ VỀ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐẢM BẢO CÔNG BẰNG, BÌNH ĐẲNG VỀ QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN

LÊ THI\*

Nghiên cứu Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XI của Đảng, đặc biệt là *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, trong phần: “Những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại”, chúng tôi thấy nổi lên tư tưởng cơ bản: “*Đảm bảo công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân*”, kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, *thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội* ngay trong từng bước và từng chính sách.<sup>1</sup>

Ở đây, chúng tôi muốn đi sâu phân tích nội dung các phạm trù: *Công bằng và bình đẳng xã hội; tiến bộ xã hội và công bằng xã hội; mối quan hệ* giữa các phạm trù này trong đời sống xã hội và những *chính sách xã hội* cần đáp ứng của Đảng và Nhà nước ta.

1. *Thực hiện công bằng xã hội* là đảm bảo cho mọi người dân về *nguyên tắc* được hưởng thụ *bình đẳng như nhau các quyền lợi*, đồng thời có *trách nhiệm như nhau* trong việc thực thi *các nghĩa vụ* người công dân, không phân biệt giới, giai cấp, tầng lớp xã hội, nhóm dân cư. Do đó, thực hiện *công bằng xã hội* cần gắn liền với *tiến bộ xã hội* trong từng bước và trong từng chính sách phát triển của Đảng và Nhà nước ta.

Thực hiện *nguyên tắc công bằng và bình đẳng xã hội* là nhằm đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ *ngang nhau* giữa giới nam và giới nữ, giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội, giữa các nhóm dân cư đa số và thiểu số ở nước ta. Đồng thời chúng ta cần thấy rằng việc thực hiện nguyên tắc này lại chịu ảnh hưởng của *hoàn cảnh lịch sử cụ thể về không gian và thời gian*, nơi thi hành và *đối tượng* hưởng thụ.

*Trong điều kiện kinh tế xã hội cụ thể* ở từng vùng, miền của nước ta và *đặc điểm các đối tượng* khác nhau, thì việc thực thi sự công bằng và bình

---

\* GS. Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

<sup>1</sup> Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XI của Đảng, tr.11.

đảng xã hội lại phải đa dạng, khác nhau theo vùng, miền... Ví dụ, việc thực thi sự công bằng về kinh tế có những nội dung khác nhau ở nông thôn và ở thành phố. Ở nông thôn, người dân thường quan tâm và có ảnh hưởng lớn với họ là *quyền sở hữu* và việc *sử dụng ruộng đất*, việc phân chia đất canh tác cho người dân. Ở thành phố, người dân chú ý nhiều đến việc tạo việc làm, đặc biệt cho người nghèo, người thất nghiệp, học sinh mới ra trường một cách công bằng; họ chú ý tới việc sử dụng nhà ở cũng như việc mở mang môi trường kinh doanh một cách bình đẳng, công bằng v.v...

Thực hiện sự công bằng và bình đẳng xã hội lại cần chú ý đến *thời gian lịch sử* nhất định, sự biến động của tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ở nước ta và trên thế giới. Ở mỗi thời điểm lịch sử khác nhau, thì việc thực hiện sự công bằng và bình đẳng xã hội là khác nhau. Ngày nay, *dân trí* được nâng cao hơn trước. Người dân được *tiếp nhận nhiều luồng thông tin* đa dạng, kịp thời qua hệ thống báo chí, truyền thanh, truyền hình, internet; việc *giao lưu xã hội* cũng thuận lợi, dễ dàng hơn trước. Người dân nắm được nhiều thông tin về quản lý, điều hành, hoạt động của các cơ quan công quyền nhà nước, cũng như ngày càng hiểu biết về quyền lợi và nghĩa vụ của họ.

Thực hiện sự công bằng và bình đẳng xã hội còn phụ thuộc vào *môi trường làm ăn, sinh sống* của từng giới, từng tầng lớp xã hội, nhóm dân cư. Mỗi môi trường cụ thể có những nhu cầu, những đòi hỏi cụ thể về quyền lợi vật chất và tinh thần khác nhau. Đồng thời, việc sử dụng, khai thác các điều kiện cần thiết cho sinh sống, làm ăn còn chịu ảnh hưởng của từng *hoàn cảnh gia đình và cá nhân*. Gia đình giúp các thành viên tận dụng các yếu tố công bằng và bình đẳng xã hội để tháo gỡ khó khăn, nâng cao đời sống nhiều hay ít là tùy thuộc vào mỗi gia đình. Đối với *từng cá nhân* lại tùy thuộc vào khả năng tiếp nhận, vận dụng cơ hội, phát huy sáng kiến có lợi nhất cho công việc của mình cũng lại rất khác nhau. Do đó, việc thực thi công bằng và bình đẳng xã hội *không đem lại những kết cục giống nhau cho mọi đối tượng, không xóa bỏ sự bất bình đẳng giữa họ với nhau*, đặc biệt là về thu nhập, cũng như việc tổ chức đời sống gia đình và hạnh phúc cá nhân.

Vấn đề cơ bản là Đảng và Nhà nước ta cần *công nhận và đảm bảo quyền lợi, nhu cầu chính đáng* của tất cả mọi người, các nhóm xã hội, không phân biệt tuổi tác, giới tính, địa vị xã hội, đi đôi với yêu cầu thực hiện *trách nhiệm, nghĩa vụ* của mọi công dân đối với sự phát triển của cộng đồng.

2. Một yếu tố quan trọng để thực hiện sự công bằng và bình đẳng xã hội là đảm bảo sự *công bằng về cơ hội* và tạo ra *sân chơi bình đẳng về kinh tế, chính trị, xã hội* cho mọi người dân.

Báo cáo phát triển thế giới 2006 “Công bằng và phát triển” của Ngân hàng Thế giới đã nhấn mạnh sự *công bằng về cơ hội* và việc *tạo ra sân chơi bình đẳng* về kinh tế, chính trị cho mọi người dân: “Đề cập đến *công bằng*, chúng tôi muốn nói rằng, các cá nhân cần có *cơ hội như nhau* để theo đuổi cuộc sống như họ đã chọn và phải tránh được những kết cục cùng khổ. Các thể chế và chính sách tăng cường *một sân chơi bình đẳng*, trong đó tất cả các thành viên xã hội đều có cơ hội như nhau để trở thành những tác nhân tích cực về mặt xã hội, có ảnh hưởng về mặt chính trị và có năng suất cao về mặt kinh tế, sẽ góp phần vào sự tăng trưởng và phát triển bền vững”<sup>2</sup>.

Bình đẳng về cơ hội là như thế nào?

a/ Trước hết, *bình đẳng về cơ hội là được học tập, đào tạo*. Đó là một điểm quan trọng cơ bản đối với mỗi cá nhân.

*Mỗi trẻ em được đi học như nhau*, dù gia đình giàu hay nghèo, ở thành phố hay nông thôn, nam hay nữ. Chúng có khả năng và điều kiện học lên cao (nhờ miễn học phí hay được cấp học bổng v.v.). *Năng lực con người* qua đào tạo, giáo dục mà có. Đó là tác nhân số 1 của sự tiến bộ cá nhân, giúp họ có khả năng lao động với năng suất cao, đem lại thu nhập tốt và đóng góp vào sự thịnh vượng chung của đất nước.

Vì vậy, cần tạo cơ hội công bằng cho mọi người có năng lực lao động tốt, có cơ hội và điều kiện được học tập, giáo dục, đào tạo như nhau. Cần trang bị cho họ cái vốn quý nhất là *tri thức* và *các phương pháp có khả năng hoạt động sáng tạo* trong công việc của họ.

b/ Thứ hai, *bình đẳng về cơ hội là tạo cho mọi người có sức khoẻ tốt*. Trẻ em được nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ tốt, có cơ thể khoẻ mạnh, cường tráng để học tập có kết quả. Người lớn được phòng bệnh, chữa bệnh kịp thời, chi phí hợp lý về dịch vụ y tế và thuốc men, được bồi dưỡng sức khoẻ để làm việc có kết quả lâu dài. Cần chú ý rằng, vấn đề sức khoẻ có liên quan nhiều đến *năng lực tư duy và tinh thần sáng suốt* của mỗi cá nhân trong suy nghĩ và hành động.

c/ Thứ ba, bình đẳng về cơ hội liên quan đến nhiều vấn đề khác, trong đó nổi lên vấn đề: *cơ hội tiếp nhận những thông tin cần thiết và kịp thời* cho cuộc sống gia đình và cá nhân. Điều này có phần phụ thuộc vào việc họ có những *phương tiện thông tin* để sử dụng, *có ý thức* và *có cơ hội tiếp nhận* để dàng các luồng thông tin, không bị cấm đoán, che giấu. Trong thời đại toàn cầu hoá và kinh tế thị trường phát triển, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội luôn có biến động và có ảnh hưởng đến các cá nhân và gia đình họ, từ làm

---

<sup>2</sup> Sách “*Công bằng và phát triển*” (2005), Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, tr.2.

ăn kinh tế đến đời sống riêng tư, hôn nhân và gia đình v.v..., thì việc có cơ hội bình đẳng để nắm bắt các thông tin xã hội là có ý nghĩa rất lớn.

**d/ Thứ tư, tạo cơ hội bình đẳng cho mọi công dân** là tạo điều kiện cho họ vươn lên, hoạt động, làm giàu, công hiến cho xã hội, cho gia đình và cho cá nhân. Điều đó có ý nghĩa quan trọng là mỗi công dân có nỗ lực, sáng kiến và là chủ thể quyết định thành quả kinh tế, văn hoá, xã hội mà họ làm ra, không phụ thuộc vào hoàn cảnh gia đình, đẳng cấp, màu da, giới tính con người.

*Tạo một sân chơi bình đẳng về học vấn, sức khoẻ, tiếp nhận thông tin v.v... cho các cá nhân, nhưng kết quả đạt được ở mỗi người có sự khác nhau. Điều đó là phụ thuộc vào nỗ lực, tài năng, sở thích cá nhân, niềm đam mê trong công việc. Họ biết sử dụng, khai thác các cơ hội thuận tiện tác động đến họ, đôi lúc có cả yếu tố may mắn nữa.*

*Tạo sự bình đẳng về cơ hội và điều kiện phát triển cho mọi công dân, nhưng cơ hội, điều kiện của mỗi cá nhân lại đặt trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể khác nhau và có điểm xuất phát khác nhau. Vì vậy, cơ hội như nhau cũng chưa phải đem lại thuận lợi như nhau cho tất cả mọi người, vì cơ hội có tính tiềm năng. Mọi người: nam, nữ, giai cấp và tầng lớp xã hội có quyền sống bình đẳng như nhau, nhưng điểm xuất phát của mỗi cá nhân lại khác nhau. Ở thành phố khác nông thôn, các vùng miền, các nhóm xã hội có sự khác nhau trong việc phát huy cơ hội, sử dụng các điều kiện thuận lợi, do đó, họ sẽ thu được những kết quả khác nhau. Ví dụ, điểm xuất phát của anh A là có trình độ văn hoá khá, hoàn cảnh gia đình thuận lợi, có quan hệ bạn bè rộng, lại ở thành phố, nên anh A dễ tìm việc làm phù hợp với khả năng và có thu nhập cao. Còn điểm xuất phát của chị B là có trình độ học vấn thấp, gia đình ở nông thôn lại nghèo, có nhiều khó khăn về kinh tế, nên cơ hội tìm việc làm và chọn việc phù hợp với chị gặp nhiều trắc trở và thường tìm được việc làm có thu nhập thấp.*

Các nhóm xã hội yếu thế như chị em phụ nữ, các dân tộc thiểu số ở miền núi xa xôi, hẻo lánh, rõ ràng có nhiều thiệt thòi, khó khăn trong việc phát huy cơ hội, sử dụng các điều kiện thuận lợi để giải quyết các nhu cầu chính đáng của họ, như được học tập, đào tạo, tìm việc làm phù hợp v.v.

**3. Chính sách của Đảng và Nhà nước ta đảm bảo sự công bằng và bình đẳng về quyền lợi cho mọi công dân.**

**a/ Trước hết, về vấn đề giáo dục và đào tạo nghề:**

Dự thảo Văn kiện trình Đại hội XI của Đảng nêu rõ : Thực hiện tốt bình đẳng về cơ hội học tập và các chính sách xã hội trong giáo dục<sup>3</sup>.

<sup>3</sup> Dự thảo Văn kiện trình Đại hội XI của Đảng, tr.35.

Tuy nhiên, trong thực tế, *cơ hội học tập* để có trình độ văn hoá, chuyên môn, kỹ thuật cần thiết cho mọi công dân, giữa nam và nữ, giữa các nhóm xã hội, các vùng, miền ở nước ta là khác nhau. Trẻ em ở nông thôn, ở các vùng dân tộc ít người, đặc biệt là trẻ em gái rất ít được học tập đến hết *bậc tiểu học*. Tỷ lệ hoàn thành giáo dục bậc tiểu học trên toàn quốc đạt gần 90%, song ở vùng cao như Tây Nguyên chỉ đạt 43%, các tỉnh miền núi phía Bắc là 48%. Trong số 1/3 trẻ em các dân tộc ít người không học hết lớp 5, thì có đến 70% học sinh bỏ học là em gái<sup>4</sup>.

Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) cho biết, ở Việt Nam chỉ có hơn 40% trẻ em gái các dân tộc ít người được học tập lên *trung học cơ sở*<sup>5</sup>. Hiện có quá nhiều rào cản khiến một bộ phận lớn trẻ em, đặc biệt là trẻ em gái vùng dân tộc ít người có thể học tập lên cấp trung học cơ sở. Tuy nhiên, khi được hỏi thì các em đều mong muốn được *hỗ trợ về tài chính* cho gia đình và bản thân, *được dạy nghề* và có thể tiếp tục đến trường. Nhiều em đã bỏ học đề nghị rằng: *sẽ đi học lại* nếu được miễn học phí, được trang bị đồ dùng học tập, cung cấp thực phẩm và quần áo.

Nhiều em mong muốn được *học nghề* ngay ở bậc Tiểu học và Trung học cơ sở, vì theo các em, học nghề chính là học được những kỹ năng hữu ích để chúng có khả năng lao động tăng thu nhập cho gia đình.

Như vậy, chính *sự nghèo đói*, khó khăn kinh tế của gia đình khiến nhiều trẻ em, đặc biệt là các em gái phải bỏ học, không thể học đến cấp Trung học cơ sở. Sự hạn chế về trình độ văn hoá, kỹ thuật là nguyên nhân cơ bản dẫn đến *sự bất bình đẳng về cơ hội tìm việc làm* có năng suất cao, có thu nhập tốt trong thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển nền kinh tế tri thức hiện nay.

**b/ Thứ hai, về tiếp cận việc làm:** Do cơ hội được giáo dục, đào tạo khác nhau của các công dân, nên cơ hội tiếp cận việc làm của họ cũng khác nhau, đặc biệt ở nông thôn, miền núi và ở chị em phụ nữ.

Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái tham gia học tập dưới nhiều hình thức đào tạo mới chiếm từ 38% đến 40%. Tỷ lệ phụ nữ có học hàm, học vị còn quá thấp so với nam giới, chỉ chiếm có khoảng 5%<sup>6</sup>.

*Về nguyên tắc*, mỗi công dân đều bình đẳng trong việc tiếp cận với cơ hội có việc làm, nhưng khoảng cách giữa giới nam và giới nữ, giữa các dân tộc đa số và thiểu số trong thực tế còn khá xa. Nhiều vấn đề còn bất

<sup>4,5</sup> Báo *Phụ nữ Việt Nam*, ngày 10/7/2009.

<sup>6</sup> Báo *Gia đình và xã hội* số 1/4/2006.

cập với các nhóm yếu thế để có việc làm tốt, có lương cao do trình độ nhận thức và tay nghề của họ thấp.

Ví dụ trong việc làm, phụ nữ chiếm tỷ lệ cao trong những *ngành nghề tự làm* và trong *khu vực không chính thức*, nên họ ít được bảo vệ bởi pháp luật của Nhà nước. Tiền lương và tiền công trung bình của phụ nữ cũng thấp hơn nam; so với nam giới, họ ít được đảm bảo về mặt xã hội. Với các dân tộc ít người ở miền núi, *việc tạo việc làm tại chỗ* cho thanh niên là chính, do trình độ văn hoá thấp, nên họ ít được ở các vị trí lãnh đạo, vị trí công tác chủ chốt.

Như vậy, *tạo sự bình đẳng trong tiếp cận việc làm* cho mọi công dân, nam và nữ, các nhóm dân tộc, tầng lớp xã hội đang có nhiều khó khăn trong thực tiễn đời sống nước ta. Các nguyên nhân và yếu tố tác động đến việc duy trì các khoảng cách trong lao động giữa các nhóm người, các cá nhân chính là do *trình độ được đào tạo về chuyên môn và kỹ thuật* giữa họ khác nhau. Do đó, *tạo cơ hội như nhau chưa phải là tạo thuận lợi như nhau* cho mọi công dân Việt Nam trong việc tiếp cận với lao động, việc làm.

c/ Dự thảo Văn kiện trình Đại hội XI của Đảng cũng đề ra : “*Tạo cơ hội bình đẳng tiếp cận các nguồn lực phát triển và hưởng thụ các dịch vụ cơ bản, các phúc lợi xã hội*”<sup>7</sup>.

Thực tế cho thấy, việc *tiếp cận bình đẳng nguồn vốn* từ các tổ chức tín dụng nhà nước còn nhiều khó khăn đối với các nhóm yếu thế như phụ nữ, các dân tộc ít người ở miền núi xa xôi, các chủ hộ nghèo ở các địa phương v.v... Họ muốn có vốn để làm ăn, mở mang kinh doanh, thì phải *đi vay với lãi suất cao* của những người quen, người giàu có ở địa phương. Hầu như họ không tiếp cận được các nguồn vốn của các tổ chức tín dụng nhà nước; nếu có, cũng chiếm tỷ lệ rất ít. Ví dụ, tỷ lệ nữ làm chủ các doanh nghiệp tư nhân là 36,4% và các công ty trách nhiệm hữu hạn là 22%, nhưng phụ nữ chỉ chiếm 29% số người được vay vốn từ các nguồn vốn nhà nước. Họ phải vay vốn từ các tổ chức tín dụng không chính thức với lãi suất cao. Năm 2002, có 25% nữ chủ hộ nghèo và 35% nam chủ hộ nghèo được vay vốn<sup>8</sup>.

*Việc hưởng thụ các phúc lợi xã hội về mặt Y tế* cũng là vấn đề nổi cộm hiện nay. Điều kiện chữa bệnh, khám bệnh của các cơ sở y tế tuyến huyện, xã rất yếu kém, thiếu thốn. Bệnh nhân phải chi phí nhiều tiền cho các dịch vụ y tế, thuốc men và thậm chí phải quà cáp cho thầy thuốc, y

<sup>7</sup> Dự thảo Văn kiện trình Đại hội XI của Đảng, trang 32.

<sup>8</sup> Báo cáo nghiên cứu thực trạng bình đẳng giới ở Việt Nam của TS. Trần Thị Vân Anh.

tá. Bệnh nhân nghèo đi chữa bệnh là một tai họa lớn đối với họ, trong khi đó, một số quan chức lại được khám chữa bệnh tại nhà, được cấp nhiều thuốc quý hiếm, không phải trả tiền v.v..., đã gây ra những bức xúc trong dư luận và bất bình đẳng xã hội. Rõ ràng, cơ hội tiếp cận bình đẳng với các dịch vụ cơ bản, các phúc lợi xã hội chưa được thực hiện nghiêm túc. Những nhóm yếu thế trong dân cư vẫn phải chịu nhiều thiệt thòi về vật chất và tinh thần.

4. *Về sự lãnh đạo của Đảng và vai trò của Nhà nước* trong việc đảm bảo sự công bằng và bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ của mọi công dân.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước có trách nhiệm thực thi luật pháp đã ban hành để đem lại sự công bằng và bình đẳng xã hội cho mọi công dân và kịp thời đề xuất những điểm cần bổ sung, điều chỉnh trong luật pháp khi thực tiễn cuộc sống đòi hỏi. Do đó, cần có *một cơ chế hữu hiệu* của Nhà nước để làm nhiệm vụ trên, đặt trong *tùng hoàn cảnh lịch sử cụ thể* phát triển đất nước.

Hiện nay, Nhà nước còn thiếu các biện pháp chế tài đủ mạnh để xử lý thích đáng các vi phạm pháp luật hoặc chưa có cơ chế giám sát hữu hiệu để kịp thời phát hiện các vi phạm pháp luật. Thực hiện tốt sự *giám sát* trong thực thi pháp luật là biện pháp hữu hiệu tạo ra sự công bằng và bình đẳng xã hội ở nước ta hiện nay. Trong bộ máy Chính phủ cần có một bộ phận đủ thẩm quyền và đủ số lượng cán bộ cần thiết để giám sát việc thực thi pháp luật đã ban hành, liên quan đến việc đảm bảo sự công bằng và bình đẳng xã hội về quyền lợi, nghĩa vụ của mọi công dân. Bộ phận cán bộ đó cũng kịp thời đề xuất ý kiến với Quốc hội, Chính phủ để có những điểm bổ sung, sửa đổi cần thiết; đồng thời *chủ động phối hợp với các tổ chức quần chúng*, như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, cũng như với chính quyền các cấp trong những việc có liên quan.

Theo chúng tôi, ở đây Nhà nước cần chú ý trong việc giải quyết các mối quan hệ khá phức tạp và quan trọng thường xuyên xảy ra hiện nay. Đó là *quyền người sở hữu, quyền người sử dụng và quyền quản lý* của Nhà nước về đất đai, tài sản xã hội nói chung. Giải quyết tốt những tranh chấp, đặc biệt liên quan tới vấn đề đất đai đang nổi cộm hiện nay, đòi hỏi phải có tình, có lý, tuân theo pháp luật nhà nước, có xem xét tới *tùng hoàn cảnh lịch sử-cụ thể ở từng trường hợp của từng đối tượng*.

*Mối quan hệ phân phối* của cải vật chất xã hội để đảm bảo sự công bằng và bình đẳng xã hội ở nước ta hiện nay lại diễn ra trong sự tác động của kinh tế thị trường. Ở đây, việc đảm bảo nguyên tắc phân phối công bằng, bình đẳng cho mọi công dân lại phải chú ý đến quy luật của kinh tế thị trường để xem xét một cách linh hoạt. Sự phân phối của cải vật chất

của xã hội trong nền kinh tế thị trường, chủ yếu theo nguyên tắc: "*Làm theo năng lực, hưởng theo lao động*" Thế nhưng, các nhóm yếu thế đang bị thiệt thòi không những về sự công bằng và bình đẳng xã hội về việc làm, mà còn cả về phân phối của cải vật chất xã hội nữa. Vì thế, Đảng và Nhà nước cần có *chế độ ưu tiên* trong việc thi hành các chính sách để nhóm yếu thế đó được hưởng lợi từ sự công bằng và bình đẳng xã hội.

Hiện nay, *nạn tham nhũng* ở nước ta đã ở mức báo động nghiêm trọng, uy hiếp tới sự tồn vong của chế độ. Đi liền với đó là *nạn lãng phí* tài sản, tiền bạc của công quỹ nhà nước do sự đóng góp tiền thuế của nhân dân, ảnh hưởng lớn đến sự hưng thịnh quốc gia. Đảng và Nhà nước phải kiên quyết và kịp thời *thanh lọc* những phần tử thoái hoá, biến chất trong bộ máy cầm quyền, xử lý thích đáng những kẻ vi phạm pháp luật để giữ nghiêm kỷ cương, phép nước mới tạo điều kiện cho việc thực thi công bằng và bình đẳng xã hội.

Để giúp Nhà nước tiến hành giám sát việc thực thi pháp luật có hiệu quả, cần khuyến khích và tạo điều kiện cho *các nhóm dân cư, các tầng lớp xã hội tự giám sát* và *kiểm tra* việc thi hành các luật lệ đã ban hành.

Việc *giám sát* của quần chúng nhân dân không chỉ là tố cáo các vụ vi phạm, mà còn có tác dụng *phòng ngừa, ngăn chặn* việc vi phạm pháp luật; hơn nữa, có tác dụng giáo dục những đối tượng vi phạm lần đầu "cải tà, quy chính", kịp thời sửa chữa để không tiếp tục phạm sai lầm. *Chính sự giám sát và kiểm tra của quần chúng* là một yếu tố quan trọng giúp Đảng và Nhà nước thi hành có kết quả các đường lối, chính sách đã ban hành.

Thực hiện công bằng và bình đẳng xã hội về quyền lợi và nghĩa vụ của mọi công dân là chính sách lớn của Đảng và là bản chất của Nhà nước ta. Đây là nhiệm vụ trước mắt, đồng thời cũng là nhiệm vụ lâu dài mà toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu kiên trì mới có được.

---

### **Tài liệu tham khảo**

1. Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XI của Đảng, tr.11.
2. Sách "*Công bằng và phát triển*" (2005), Nxb.Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, tr.2.
3. Báo *Phụ nữ Việt Nam* ngày 10/7/2009.
4. Báo *Gia đình và xã hội* số 1/4/2006.
5. Báo cáo nghiên cứu thực trạng bình đẳng giới ở Việt Nam của TS. Trần Thị Vân Anh.